

Số: 427/BC-UBND

Đắk Nông, ngày 04 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình các nội dung liên quan Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh khóa IV, Phiên họp thứ 32 (tại Thông báo số 29/TB-HĐND ngày 30/6/2023) và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (tại buổi họp ngày 22/6/2023); Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình một số nội dung liên quan đối với Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023, như sau:

1. Về phát triển công nghiệp – dịch vụ

1.1. Việc xử lý các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 04 cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích là 149,61 ha; trong đó có 02 CCN cơ bản hoàn thiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: Cụm công nghiệp Thuận An có 17 dự án đầu tư, với diện tích đất thuê lại là 16,29ha, số vốn đăng ký đầu tư 291,86 tỷ đồng và giải quyết được việc làm cho khoảng gần 250 lao động tại địa phương và tỷ lệ lấp đầy giai đoạn I đạt 93,7%. Hiện nay, do công tác đầu tư và nguồn vốn không đảm bảo tiến độ nên UBND tỉnh đang xem xét dừng triển khai đầu tư để thực hiện thanh, quyết toán dự án và chuyển đổi mô hình quản lý phù hợp; Cụm công nghiệp BMC có 05 nhà đầu tư ký kết hợp đồng thuê đất với diện tích là 6 ha để triển khai dự án.

Đối với Cụm công nghiệp Krông Nô, hiện UBND tỉnh thống nhất cho phép UBND huyện Krông Nô nghiên cứu, điều chỉnh vị trí phù hợp. Cụm công nghiệp Quảng Tâm, UBND tỉnh đã thu hồi chủ trương đầu tư đối với Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và giao cho UBND huyện Tuy Đức giải quyết vấn đề có liên quan.

Thời gian qua, việc phát triển hạ tầng CCN phục vụ các hoạt động sản xuất công nghiệp tại các địa phương trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương của tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện thông qua việc ban hành các cơ chế chính sách để kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển. Nhưng trong thực tiễn, việc địa phương có quy hoạch CCN như Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Glong nhưng công tác tổ chức, triển khai thực hiện còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý quy hoạch, kêu gọi doanh nghiệp có năng lực làm chủ đầu tư, đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

1.2. Tác động của khu vực công nghiệp – dịch vụ đến tăng trưởng

(i) Khu vực công nghiệp: Trong 06 tháng đầu năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, nhà máy thủy điện Nam Long với công suất 9MW dự kiến đi vào hoạt động trong quý III/2023. Bên cạnh đó, tình hình sản xuất của một số doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về vốn, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ nên giảm sản lượng sản xuất. Tình hình triển khai xây dựng một số dự án (Các dự án điện gió, điện mặt trời, dự án điện phân nhôm) còn gặp khó khăn, chậm tiến độ do còn vướng các cơ chế, chính sách.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu ước tăng so với cùng kỳ, như: Đá xây dựng ước đạt 435 nghìn m³, tăng 6,4%; gạch xây dựng bằng đất sét nung ước đạt 38 triệu viên, tăng 2,7%; tinh bột sắn ước đạt 16.085 tấn, tăng 12%; cà phê bột ước đạt 953 tấn, tăng 5,5%; chế biến cà phê nhân ước đạt 141.000 tấn, tăng 0,7%; sản phẩm bàn, ghế, giường, tủ, ... bằng gỗ ước đạt 37.943 sản phẩm, tăng 2,3%; mù cao su ước đạt 6.549 tấn, tăng 12,7%; hạt điều nhân ước đạt 1.741 tấn, tăng 11,7%; điện thương phẩm ước đạt 202,2 triệu kwh, tăng 0,1%; nước máy ước đạt 2.214 nghìn m³, tăng 8%; đá xẻ ốp lát ước đạt 403.000 m², tăng 8,9%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ, như: Khí CO₂ ước đạt 2.761 tấn, giảm 10%; còn tinh luyện ước đạt 5.314 tấn, giảm 28%; Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự ước đạt 17.500 m³, giảm 25,7%; Đậu phộng, đậu nành sấy ước đạt 1.417 tấn, giảm 26%; Bồn Inox, bồn nhựa ước đạt 19.536 sản phẩm, giảm 15,5%.

Nhìn chung, tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng so với 06 tháng đầu năm 2022. Theo công bố của Tổng Cục thống kê, Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2023 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 9.189 tỷ đồng, tăng trưởng đạt 5,23%; trong đó khu vực công nghiệp ước đạt 1.167 tỷ đồng, tăng 7,33% (thấp hơn mức tăng 11% 6 tháng đầu năm 2022), đóng góp 0,92 điểm phần trăm trong tăng trưởng 6 tháng đầu năm.

(ii) Khu vực dịch vụ:

Trong 06 tháng đầu năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.343,97 tỷ đồng, tăng 7,88% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 07 nhóm hàng hoá tăng là nhóm lương thực, thực phẩm tăng 18,65%; nhóm hàng may mặc tăng 16,79%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng tăng 0,61%; nhóm nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 2,28%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm liên quan tăng 16,32%; nhóm hàng hoá khác tăng 37,23%; nhóm sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy tăng 74,24% và 04 nhóm hàng hoá giảm là nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình giảm 12,94%; nhóm vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 44,19%; nhóm phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) giảm 4,31%; nhóm xăng, dầu các loại giảm 1,05%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 2.906,24 tỷ đồng, tăng 76,25% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: dịch vụ lưu trú ước đạt 130,59 tỷ đồng, tăng 48,18%; dịch vụ ăn uống đạt 2.774,82 tỷ đồng, tăng 75,67%; du lịch lữ hành đạt 833 triệu đồng, tăng 86,04%.

Doanh thu hoạt động dịch vụ khác (trừ dịch vụ lưu trú - ăn uống - du lịch lữ hành) trên địa bàn tỉnh ước đạt 512,68 tỷ đồng, tăng 52,14% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, tình hình dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng so với 06 tháng đầu năm 2022. Theo công bố của Tổng Cục thống kê, tổng giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ (theo giá so sánh 2010) đạt 4.303 tỷ đồng, tăng 5,7% (thấp hơn mức tăng 6,41% 6 tháng đầu năm 2022), đóng góp 2,66 điểm phần trăm trong tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2023.

1.3. Nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các dự án điện gió, công nghiệp khai khoáng

Hiện nay, tình hình triển khai xây dựng các dự án điện gió, điện mặt trời, dự án điện phân nhôm còn gặp khó khăn, chậm tiến độ, do còn nhiều vướng mắc về thủ tục, cơ chế chính sách. Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực công nghiệp; trong thời gian tới, cần triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Quy hoạch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo kiến nghị với Trung ương xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho dự án điện gió đã đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động, nhằm huy động nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội địa phương và cả nước.

- Triển khai Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục làm việc với Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án có chồng lấn với Quy hoạch bô xít và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Đặc biệt là các dự án đầu tư công, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023-2025.

- Báo cáo Trung ương xem xét, sớm có kết luận, chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc cho dự án điện phân nhôm Đắk Nông và đôn đốc chủ đầu tư đẩy nhanh hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

2. Về tình trạng phá rừng trái pháp luật

Diện tích rừng thiệt hại do phá rừng giai đoạn 2018-2022 là 552,0698 ha, giảm 49,56% so với giai đoạn 2013-2017. Trong 6 tháng đầu năm 2023, diện tích rừng bị phá giảm 50,2% so với cùng kỳ năm 2022 (*giảm 21,5272 ha*). Qua đó, có thể thấy tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng cơ bản đã được kiểm chế, số vụ phá rừng và diện tích rừng thiệt hại giảm rõ rệt qua từng năm.

Để tiếp tục khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới:

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3456/UBND-NNTNMT và triển khai có hiệu quả các Đề án liên quan lĩnh vực lâm nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể: Đề án phát triển rừng bền

vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán giai đoạn 2020-2025; Đề án nâng cao độ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Đề án tăng cường quản lý, bảo vệ rừng, gắn trách nhiệm của lực lượng Kiểm lâm với chủ rừng; Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030...

- Tăng cường công tác kiểm tra, tuần tra, chốt chặn tại các “điểm nóng” nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; có giải pháp quản lý, thu hồi diện tích đất lấn chiếm, phá rừng trái pháp luật.

- Tổ chức lại Hạt Kiểm lâm liên huyện trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông.

3. Về thu ngân sách nhà nước

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tình hình thu ngân sách nhà nước đạt thấp so với cùng kỳ năm 2022. Nội dung này, UBND tỉnh có văn bản giải trình riêng; trong đó phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan, đồng thời đề ra một số giải pháp thực hiện trong thời gian tới (*chi tiết tại Báo cáo giải trình và bổ sung một số nội dung tại Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023*).

4. Về lĩnh vực y tế

Hiện nay, đội ngũ y, bác sĩ trên địa bàn tỉnh nghỉ việc với số lượng nhiều, hầu hết sẽ chọn làm việc trong hệ thống y tế tư nhân ở các tỉnh phát triển, số không ít khác chủ động nghỉ việc, sau đó xin tuyển vào làm viên chức ở các bệnh viện lớn bằng tuyển dụng trực tiếp chứ không thông qua hình thức chuyên công tác. Nguyên nhân chủ yếu là do: Thu nhập của bác sĩ (*đặc biệt là số có thâm niên và đã được đào tạo sau đại học*) quá thấp so với một số tỉnh thành như Đắk Lắk, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, đặc biệt là khu vực y tế tư nhân nơi những bác sĩ này đang có nhiều cơ hội được tuyển dụng vào làm việc ở các bệnh viện có quy mô lớn hơn và trình độ kỹ thuật cao, được nâng cao tay nghề, có thu nhập tốt. Hiện nay, tỷ lệ giao tự chủ cao, nguồn thu viện phí của các đơn vị giảm sút quá nhiều. Vì vậy các đơn vị chỉ cố gắng trả lương theo hạng, bậc, không có tích lũy để thực hiện thu nhập tăng thêm. Áp lực công việc và rủi ro nghề nghiệp cao. Thiếu trang thiết bị y tế hiện đại, danh mục kỹ thuật chuyên sâu còn hạn chế, thiếu bác sĩ chuyên sâu hỗ trợ nên cơ hội phát triển kỹ năng, tích lũy kiến thức thấp, bác sĩ trẻ bỏ đi vì lo ngại không phát triển chuyên sâu về nghề nghiệp...

Để khắc phục thực trạng trên, phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, theo đó, tập trung vào các giải pháp sau:

- Ban hành chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Tạo điều kiện phát triển nguồn lực không chỉ về con người mà phải kèm theo đồng bộ các điều kiện về cơ sở máy móc, trang thiết bị y tế, thuốc, vật tư... để

có cơ sở tốt thực hành chuyên môn, nâng cao trình độ, thu hút bệnh nhân, giảm tỷ lệ chuyển tuyến.

- Tiếp tục tạo môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, sáng tạo, cơ sở làm việc khang trang, máy móc trang thiết bị để thực hành chuyên môn cao, giải quyết tốt, kịp thời các chế độ chính sách cho công chức, viên chức người lao động.

- Thực hiện tuyển dụng viên chức thay thế cho số viên chức đã thôi việc chuyển công tác.

- Thực hiện cơ chế tự chủ phù hợp với khả năng thực tế của đơn vị.

- Tháo gỡ được các vướng mắc trong các chính sách, cơ chế, công tác đầu thầu, giải ngân, thanh quyết toán.

5. Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo

5.1. Công tác quản lý, chấn chỉnh, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm và biểu hiện vi phạm về thu - chi trong giáo dục; hoạt động quản lý, giám sát việc dạy thêm, học thêm, dạy hè tại các trường học.

Hàng năm, ngành Giáo dục và Đào tạo đều ban hành các văn bản nhằm quản lý, hướng dẫn, chấn chỉnh việc thực hiện thu - chi trong các cơ sở giáo dục công lập; việc dạy thêm, học thêm, dạy hè tại các trường học. Đồng thời, xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và tổ chức thanh tra, kiểm tra theo chỉ đạo, hướng dẫn của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có thanh tra, kiểm tra các nội dung nêu trên. Qua thanh tra, kiểm tra đã góp phần chấn chỉnh, xử lý các sai phạm, thiếu sót của các cơ sở giáo dục; đồng thời, tư vấn, hướng dẫn cho các cơ sở giáo dục để chấp hành nghiêm túc các quy định hiện hành về thu, chi các khoản trong năm học, tạo sự đồng thuận trong phụ huynh học sinh, học sinh và nhân dân. Tuy nhiên, số lượng các cơ sở giáo dục được thanh tra, kiểm tra về các nội dung nêu trên còn ít, chủ yếu tập trung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, của ngành có liên quan đến công tác chuyên môn.

Để chấn chỉnh công tác thu, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh và khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, tạo sự đồng thuận cao của cha mẹ học sinh, người dân. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Ngành Giáo dục và Đào tạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thu, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp tại các cơ sở giáo dục; việc dạy thêm, học thêm, dạy hè của các cơ sở giáo dục công lập, xử lý nghiêm đối với người đứng đầu các cơ sở giáo dục để xảy ra tình trạng lạm thu; thu, chi không đúng quy định hoặc để xảy ra đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài về vi phạm các khoản thu không đúng quy định tại đơn vị.

5.2. Tình trạng thiếu giáo viên so với định mức

Để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên ở các cấp học, bậc học, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thành phố rà soát số lượng và cơ cấu giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học, xác định cụ thể số lượng, cơ cấu giáo viên dư thừa cục bộ và xây dựng kế hoạch điều chuyển giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu, hiệu quả, phù hợp. Trong đó, ưu tiên sắp xếp, bố trí giáo

viên cho những khối lớp triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trường hợp chưa bố trí đủ giáo viên theo định mức thì có giải pháp phù hợp để thực hiện.

Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo, trên cơ sở biên chế được giao, sẽ khẩn trương tuyển dụng giáo viên các cấp học, bậc học đảm bảo đủ theo cơ cấu từng môn học, trong đó ưu tiên tuyển dụng giáo viên môn Tiếng Anh, Tin học ở cấp tiểu học để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường công tác phân công giáo viên, nhân viên thực hiện chế độ kiêm nhiệm ở các trường thiếu biên chế.

Mặt khác, UBND tỉnh cũng đã có văn bản kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao bổ sung số lượng người làm việc để tỉnh tuyển dụng giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong năm học 2023-2024 là 1.021 người, để đáp ứng được việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đáp ứng quy mô gia tăng dân số của tỉnh trong thời gian tới.

5.3. Công tác phân luồng học sinh sau THCS

Hiện nay, số lượng học sinh có nhu cầu vào lớp 10 là 10.944 học sinh, do điều kiện cơ sở vật chất và giáo viên trên địa bàn tỉnh không đủ để đáp ứng nhu cầu nên chỉ tiêu các trường học chỉ đáp ứng 83,9% số lượng học sinh. Để tháo gỡ việc tuyển sinh theo quy định, số lượng học sinh còn lại sẽ vào các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 07 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện. Đội ngũ và cơ sở vật chất các trung tâm này đều đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS và THPT đến các tầng lớp Nhân dân. Hướng dẫn học sinh vào trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục và đào tạo để tìm hiểu thêm về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, về ngành nghề đào tạo, nhu cầu việc làm, chính sách đối với người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp, chính sách ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, cơ hội khởi nghiệp.

Các trường THCS tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường cao đẳng, đại học, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh... tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh phổ thông như: Cung cấp thông tin cho học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, học sinh có thể vừa học nghề, vừa học văn hóa ở các trường trung cấp, đảm bảo sau khi kết thúc chương trình đào tạo nghề, học sinh dự thi để lấy bằng tốt nghiệp trung cấp nghề và bằng tốt nghiệp THPT; tổ chức ngày hội tư vấn, hướng nghiệp; thi tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp; hoạt động giới thiệu và tuyên truyền nghề; các hoạt động giao lưu của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân,... giúp

cho học sinh hiểu rõ về khả năng của bản thân và điều kiện gia đình trong việc lựa chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học.

5.4. Công tác quản lý, sử dụng các hồ bơi tại các trường học

Thời gian qua, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện hoàn thành việc xây dựng bể bơi cũng như vận hành và đưa vào sử dụng 20 bể bơi xây dựng giai đoạn 2017-2020. Tuy nhiên, bên cạnh những địa phương đã chủ động khắc phục khó khăn, xây dựng các giải pháp vận hành hiệu quả bể bơi thì còn một số địa phương chưa quan tâm, chú trọng đúng mức đối với nhiệm vụ này, đặc biệt là thành phố Gia Nghĩa; UBND tỉnh đã phê bình UBND thành phố Gia Nghĩa trong việc chậm hoàn thành hạng mục hàng rào xung quanh bể bơi di động tại Trường tiểu học Thăng Long, gây lãng phí tài sản công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Kế hoạch.

Nhằm triển khai vận hành, sử dụng hiệu quả 20 bể bơi đã được bố trí xây dựng giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh đã yêu cầu các Sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố trong thời gian tới tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- UBND các huyện, thành phố chỉ đạo đơn vị chức năng theo dõi, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đã được đầu tư, xây dựng bể bơi có phương án khai thác, sử dụng hiệu quả bể bơi, không để xảy ra tình trạng bể bơi bỏ không, gây lãng phí tài sản nhà nước; phần đầu 100% học sinh tại các trường được đầu tư xây dựng bể bơi biết bơi sau khi hoàn thành chương trình tiểu học. Bố trí kinh phí duy trì, vận hành số bể bơi đã được xây dựng, đặc biệt là vấn đề bảo đảm nguồn nước để vận hành bể bơi.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ quy định hiện hành để phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn vận hành bể bơi bảo đảm hiệu quả, đúng quy định. Trong đó hướng dẫn cụ thể việc tổ chức dạy bơi trong chương trình chính khóa của nhà trường (*các cơ sở giáo dục được trang bị bể bơi*) sử dụng nguồn kinh phí duy trì, vận hành bể bơi, chi trả thù lao dạy bơi,...đặc biệt là nguồn xã hội hóa và huy động hợp pháp khác. Thường xuyên kiểm tra, khảo sát, theo dõi chặt chẽ kết quả vận hành 20 bể bơi đã được xây dựng để phối hợp với các Sở, ngành liên quan xử lý và hướng dẫn thực hiện theo quy định. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Riêng UBND thành phố Gia Nghĩa khẩn trương hoàn thiện công trình bể bơi di động tại trường tiểu học Thăng Long để đảm bảo an toàn, đưa vào vận hành, sử dụng. Trường hợp tiếp tục để chậm trễ, làm lãng phí tài sản nhà nước, UBND thành phố Gia Nghĩa chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

6. Về lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường

6.1. Bổ sung nội dung về tình hình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023

Đến nay, đã tổ chức thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 được 8/8 huyện (*tại thời điểm báo cáo là 6/8 huyện*), tổ chức kiểm tra thực địa 7/8 huyện, thành phố (*thành phố Gia Nghĩa chưa kiểm tra*) và đang thực hiện lấy ý

kiến góp ý lần 2 đối với 7/8 huyện, thành phố, dự kiến trong tháng 7/2023 phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023.

6.2. Việc xử lý các diện tích đất thu hồi từ các công ty nông lâm nghiệp, nông lâm trường giao về địa phương quản lý

Việc xử lý các diện tích đất thu hồi từ các công ty nông lâm nghiệp, nông lâm trường giao về địa phương quản lý hiện nay chưa có nhiều chuyển biến, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Kinh phí để bố trí cho công tác đo đạc, cắm mốc và lập bản đồ địa chính của tỉnh Đắk Nông còn thiếu. Ngày 18/8/2020, UBND tỉnh Đắk Nông đã có Tờ trình số 4215/TTr-UBND gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí cho địa phương.

- Mức độ biến động đất đai đối với diện tích giữ lại để quản lý của các công ty nông, lâm nghiệp lớn và công tác cập nhật, chỉnh lý bản đồ chưa kịp thời;

- Diện tích đất thu hồi từ các nông, lâm trường bàn giao về cho địa phương quản lý, bố trí sử dụng là tương đối lớn (*đất đã bị người dân lấn chiếm sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp*) nhưng chủ yếu theo số liệu trên sổ sách chưa được đo đạc, lập bản đồ địa chính nên rất khó khăn trong công tác quản lý, đặc biệt là trong công tác giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai.

- Một số dự án, khi cho các đơn vị thuê đất, hiện trạng trên đất thuê đã có nhiều diện tích dân lấn chiếm đang sử dụng sản xuất nông nghiệp (*nguồn gốc đất phá rừng, mua bán đất lâm nghiệp trái phép*) nhưng chưa được xử lý dứt điểm dẫn đến tranh chấp gay gắt, hậu quả phức tạp (*tại dự án của Công ty Long Sơn*)....

6.3. Việc xử lý chồng chéo quy hoạch bô xít với quy hoạch của tỉnh

Đắk Nông có tiềm năng lớn về nguồn tài nguyên quặng bô xít, được đánh giá là lớn nhất cả nước, với trữ lượng và tài nguyên dự báo khoảng 4,3 tỷ tấn quặng nguyên khai, chiếm gần 45% tổng trữ lượng và tài nguyên quặng bô xít của cả nước. Triển khai thực hiện quy hoạch theo Quyết định số 167/2007/QĐ-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ⁽¹⁾ đến năm 2012, công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng quặng bô xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cơ bản hoàn thành, với tổng số 09 khu vực được thăm dò, đánh giá, trên tổng diện tích 1.605,1 km² (chiếm 24,6% diện tích tự nhiên của toàn tỉnh). Theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Công Thương hoàn thiện theo ý kiến Kết luận của Hội đồng thẩm định đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt thì bô xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được quy hoạch thành 17 khu vực mỏ với diện tích khoảng 1.956,4 km² (*chiếm khoảng 30% diện tích tự nhiên của tỉnh, tăng thêm 5,4% diện tích so với quy hoạch trước đây*)².

¹ giai đoạn 2009 - 2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp phép thăm dò 07 khu vực mỏ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (bao gồm các mỏ bô xít: Nhân Cơ, Bắc Gia Nghĩa, Gia Nghĩa 2, Đông Bắc - Tây Nam mỏ 1/5, Quảng Sơn, Đắk Song, Tuy Đức).

² trong đó giữ nguyên 09 khu vực mỏ đã được thăm dò, đánh giá trữ lượng theo Quy hoạch 167 với diện tích 1.605,1 km² và thăm dò mới thêm 08 khu vực mỏ (Quảng Khê - Đắk Som, Đắk Nĩa, Quảng Thuận, Cĩa Nghĩa 2-1, Đắk Song - 1, Đắk Song - 2, Đắk Sín, Đắk Ru) với diện tích khoảng 351,33 km²; trữ lượng quặng tinh khoảng 1,163 tỷ tấn tương đương khoảng 2,667 tỷ tấn quặng nguyên khai.

Qua quá trình triển khai phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và rà soát, đánh giá quy hoạch sử dụng đất, trên địa bàn tỉnh có trên 1.062 dự án, công trình có diện tích đất chồng lấn với quy hoạch bóc xít và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, chiếm khoảng 6.692 ha, ảnh hưởng rất lớn đến việc đầu tư công cũng như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, có một số dự án lớn, quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 đều chồng lấn với Quy hoạch bóc xít và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Hiện nay, nhu cầu nguồn đất làm vật liệu san lấp để xây dựng các công trình của tỉnh tăng cao, đa phần diện tích đất trên địa bàn 6/8 huyện, thành phố có chứa quặng bóc xít hoặc có quặng bóc xít nằm xen kẽ trong các tầng đất cũng gây khó khăn để triển khai thực hiện. Mặt khác, thời gian qua có các nhà đầu tư đến với Đắk Nông để tìm kiếm cơ hội và khảo sát, đề xuất đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án du lịch, khu đô thị, nhà máy chế biến nông sản ... với quy mô rất lớn cũng nằm trong vùng có khoáng sản và dự trữ khoáng sản bóc xít.

Một trong những vấn đề vướng mắc hiện nay đang đặt ra trong quá trình triển khai các dự án đầu tư đối với Đắk Nông đó là: *“theo Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 Khoáng sản phải được bảo toàn theo hồ sơ đã được xác định; nếu có thất thoát khoáng sản trong quá trình triển khai xây dựng công trình, tùy giá trị thất thoát xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 51/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định không thực hiện dự án đầu tư có mục đích sử dụng đất lâu dài, trừ các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng trên đất khoáng sản”*.

Theo quy định trên, hiện nay nhiều dự án đang triển khai thực hiện năm 2022, 2023 đã phải dừng triển khai đầu tư, chuyển nguồn vốn, chậm tiến độ ... tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Để tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc nêu trên; UBND tỉnh đã báo cáo, kiến nghị, đề xuất các Bộ, ngành Trung ương để xem xét giải quyết. Tuy nhiên, đến nay những khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh chưa được giải quyết đến kết quả cuối cùng, ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; UBND tỉnh cũng đã Báo cáo trực tiếp với Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp trực tuyến về kinh tế - xã hội tháng 5/2023 và Đoàn công tác theo Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, hướng dẫn xử lý các khó khăn, vướng mắc nêu trên.

7. Tình hình triển khai thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia

UBND tỉnh đã báo cáo chi tiết tại Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. Sau đây là những nội dung sơ bộ về tình hình triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG), đến nay tỉnh đã cơ bản hoàn thiện khung văn bản pháp lý để triển khai

thực hiện các chương trình theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Hiện còn 02 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện: (1) Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (sẽ trình HĐND tỉnh ban hành trong kỳ họp gần nhất); (2) Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình (hiện đang triển khai xây dựng).

- Tình hình giao dự toán vốn ngân sách nhà nước, kết quả bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình: Tổng ngân sách địa phương đối ứng thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2023 là 229,097 tỷ đồng, đến nay đã bố trí là 131,109 tỷ đồng. Đến ngày 31/5/2023, lũy kế giải ngân giải ngân vốn 03 Chương trình MTQG là 243,744 tỷ đồng, đạt 13,0%; trong đó, giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2022 được kéo dài thực hiện trong năm 2023 là 223,103 tỷ đồng, đạt 27,9%; giải ngân nguồn vốn năm 2023 là 20,641 tỷ đồng, đạt 1,85%.

8. Xử lý các tồn tại, hạn chế khi sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước

Tồn tại hạn chế lớn nhất trong công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ yếu là đối với các công ty nông, lâm nghiệp. Trong đó, vướng mắc lớn nhất là xác định phương án sắp xếp phù hợp, công tác xử lý tài chính, công nợ, các vấn đề liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất, quản lý bảo vệ rừng, thuê đất đối với đất sản xuất nông, lâm nghiệp, tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản trái phép...

Để xử lý các vấn đề này và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông lâm nghiệp; thời gian qua, UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định Đề án sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty nông, lâm nghiệp thuộc tỉnh (HĐ 717) và Ban Chỉ đạo giải quyết các vấn đề tồn tại chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, trong quản lý đất đai đối với diện tích các Công ty nông lâm nghiệp giao về địa phương quản lý (BCĐ 2337).

Qua việc đánh giá, thẩm định toàn diện hoạt động của các công ty nông lâm nghiệp cho thấy, việc giải quyết các khó khăn này chủ yếu vướng mắc về cơ chế, pháp lý. UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền, tập trung vào việc phê duyệt điều chỉnh đề án sắp xếp đổi mới điều chỉnh, bổ sung của các công ty và thường xuyên báo cáo các Bộ, ngành Trung ương để hướng dẫn xử lý các vấn đề liên quan cho phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị tại Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 23/6/2021.

Hiện nay, các Bộ, ngành Trung ương đang tham mưu trình Chính phủ hoàn thiện, ban hành cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông lâm nghiệp để triển khai thực hiện.

9. Về thu hút đầu tư

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Trung tâm phục vụ hành chính công đã tiếp nhận 52 dự án, trong đó: 18 dự án đề nghị cấp mới chủ trương đầu tư với tổng vốn

đầu tư là 6.043 tỷ đồng; 34 dự án điều chỉnh Chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đến nay, có 03 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận Chủ trương đầu tư (*tại thời điểm báo cáo là 02 dự án*) với tổng vốn đầu tư khoảng 442 tỷ đồng; các dự án còn lại đang được xem xét, thẩm định và một số dự án chưa đủ điều kiện để thẩm định và chấp thuận chủ trương đầu tư, nguyên nhân là do các quy hoạch chuyên ngành (*quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bóc xít, quy hoạch công viên địa chất,...*) còn chồng chéo; nhiều khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội nhưng chưa được quy hoạch tổng thể, phân khu chức năng theo quy định; chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể đối với một số nội dung liên quan đến đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (*công nhận chủ đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư (thành phố Gia Nghĩa), tổ chức đấu thầu chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký,...*).

Một số giải pháp trong thời gian tới:

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Quy hoạch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 làm cơ sở pháp lý để tập trung đầu tư thực hiện đồng bộ các quy hoạch đô thị, xây dựng, quy hoạch ngành. Quản lý tốt quy hoạch đất đai đồng thời thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp được tiếp cận về đất đai, quy hoạch nhanh chóng, thuận tiện, đầy đủ thông tin.

- Quán triệt đến các Sở, ngành, địa phương về vai trò, trách nhiệm của các đơn vị trong quá trình phối hợp giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, đa dạng hóa hình thức tương tác trực tuyến với nhà đầu tư. Qua đó hỗ trợ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, kịp thời.

- Tập trung nguồn vốn đầu tư công để tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các nhà đầu tư đến với tỉnh.

10. Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

10.1. Chỉ tiêu Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) 6 tháng đầu năm đạt 82,03%, giảm so với năm 2022 (đạt 92%)

Đến ngày 31/12/2022, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 92%, đạt kế hoạch đề ra (*số liệu bao gồm: lực lượng lao động đi làm việc ngoại tỉnh, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh, thân nhân sỹ quan, hạ sỹ quan quân đội*). Trong 06 tháng đầu năm 2023, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 82,03%, số liệu này tính theo số người tham gia BHYT thực tế do Bảo hiểm xã hội tỉnh đang quản lý trên tổng dân số toàn tỉnh theo số liệu thống kê, chưa tính các chỉ tiêu như cuối năm 2022 đã nêu ở trên. Việc báo cáo số liệu thực tế để các địa phương phấn đấu thực hiện đạt chỉ tiêu bao phủ BHYT được giao, góp phần tăng cường thực hiện chính sách an sinh trên địa bàn tỉnh. Đến cuối năm 2023, Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, thống kê số liệu lực lượng lao động đi làm việc ngoại tỉnh, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh, thân nhân sỹ quan quân đội để tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu bao phủ BHYT của cả năm.

10.2. Chỉ tiêu nông thôn mới tính đến ngày 31/12/2022 giảm so với số đã dự báo

Ngày 08/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Bộ tiêu chí về nông thôn mới để thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2025; trong đó có nhiều chỉ tiêu, tiêu chí giao cho các bộ, ngành liên quan quy định mức độ đạt chuẩn. Trong quá trình tổ chức thực hiện thì đến cuối năm 2022 các bộ, ngành mới ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí của các Bộ tiêu chí nông thôn mới. Như vậy thời gian các xã áp dụng và tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 là chưa nhiều. Mặt khác, nguồn vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 nói riêng (bao gồm cả vốn năm 2021 chuyển qua) được giao rất muộn; bên cạnh đó các Thông tư, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan về quản lý, sử dụng nguồn vốn cũng ban hành chưa được kịp thời. Vì vậy, tình hình thực hiện và giải ngân nguồn vốn năm 2022 chậm so với tiến độ, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới, nhất là các chỉ tiêu, tiêu chí về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu. Do đó, kết quả xây dựng NTM năm 2022 không đạt chỉ tiêu như đã dự báo.

10.3. Làm rõ tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2023

Theo công bố của Tổng Cục thống kê tại Công văn số 846/TCTK-TKQG ngày 29/5/2023, tổng giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh 2010) đạt 2.356 tỷ đồng, tăng 5,19% (thấp hơn mức tăng 5,88% 6 tháng đầu năm 2022), đóng góp 1,33 điểm phần trăm trong tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2023.

10.4. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,52% bằng số liệu thực hiện năm 2022

Theo quy định tại Điều 33, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng quy định: "Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công bố hiện trạng rừng, báo cáo Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố hiện trạng rừng trước ngày 28 tháng 02 năm sau". Vì vậy, chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng 6 tháng đầu năm 2023 đạt 38,52%, cơ quan chuyên ngành báo cáo trên cơ sở số liệu công bố hiện trạng rừng năm 2022 trên địa bàn tỉnh, theo đó chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng năm 2022 đạt 38,52%.

10.5. Số lượng lao động được đào tạo 06 tháng đầu năm đạt thấp so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra

Số lượng lao động được đào tạo 06 tháng đầu năm là 437/4.000 người (đạt 10,92% KH), nguyên nhân là do: Ngày 14/6/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023 (Quyết định số 729/QĐ-UBND). Theo đó, các địa phương đang tiến hành khai giảng các lớp đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (Dự kiến đào tạo nghề cho 3.993 người) vào 06 tháng cuối năm 2023. Mặt khác, các khóa

thi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng tổ chức nhiều đợt trong năm, dự kiến đến cuối năm 2023 có khoảng gần 300 em tốt nghiệp trình độ trung cấp. Qua đó, dự báo đến hết 2023, chỉ tiêu Số lượng lao động được đào tạo vẫn đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Giải pháp hoàn thành chỉ tiêu vào cuối năm:

- Tăng cường đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh tham gia vào các trình độ giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là trình độ trung cấp, cao đẳng;

- Tổ chức các lớp đào tạo nghề theo Quyết định số 729/QĐ-UBND; tiếp tục rà soát, điều chỉnh Kế hoạch đào tạo nghề năm 2023 (nếu có).

10.6. Chỉ tiêu bác sỹ/vận dân vẫn đạt kế hoạch đề ra trong khi số lượng bác sỹ công lập xin nghỉ việc sang làm tại các cơ sở ngoài công lập rất nhiều

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh có 08 bác sỹ thôi việc, chuyển công tác ra ngoài tỉnh. Tuy nhiên số lượng tiếp nhận, tuyển dụng năm 2022-2023 là 54 trường hợp, trong đó 06 tháng đầu năm 2023 là 12 trường hợp tuyển dụng mới. Do đó, cơ bản đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

11. Về một số nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm:

Tiếp thu ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; UBND tỉnh sẽ triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới nhằm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình một số nội dung về Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười